

CẠNH TRANH VÀ ĐỐI THOẠI LIÊN TRIỀU TRONG BỐI CẢNH LỊCH SỬ, CHÍNH TRỊ ĐÔNG Á

Nguyễn Văn Kim

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: nguyenvankimls@yahoo.com

Ngày nhận bài: 5/11/2022; ngày hoàn thành phản biện: 26/12/2022; ngày duyệt đăng: 26/12/2022

TÓM TẮT

Trước những thách thức đối chính trị khu vực, cùng với những yếu tố nội tại, sức mạnh nội sinh, ý thức về một quốc gia hình thành sớm và thống nhất... là cơ sở hết sức quan trọng khiến cư dân bán đảo Triều Tiên có được thế ứng đối mềm dẻo nhưng cũng đầy bản lĩnh trước các thế lực khu vực. Bán đảo Triều Tiên có vị trí chiến lược ở khu vực Đông Á đã trở thành điểm nóng, khu vực cạnh tranh chiến lược của các nước lớn. Bài viết đi sâu nghiên cứu về những diễn tiến phức tạp diễn ra trên bán đảo Triều Tiên đã khiến tình hình chính trị khu vực trở nên hết sức căng thẳng, trong đó nhấn mạnh đến vấn đề đối thoại liên triều trong một thế giới đa cực và những giải pháp cho một quá trình thống nhất.

Từ khóa: Cạnh tranh, đối thoại liên Triều, bối cảnh Đông Á.

1. MỘT CÁI NHÌN LỊCH SỬ VỀ QUỐC GIA BÁN ĐẢO

Ở khu vực Đông Á, nếu Trung Quốc được coi là “quốc gia lục địa” và mang “tính chất lục địa” tương đối điển hình thì Nhật Bản là quốc gia hải đảo (quần đảo) còn Việt Nam và Hàn Quốc/Triều Tiên (Korea) là các nước bán đảo¹. Do có vị thế *địa - kinh tế, địa - văn hóa* quan trọng ở bờ tây Thái Bình Dương, lại nằm ở *vị thế hội giao* giữa Trung Quốc (Nho giáo) và vùng Viễn Đông (Nga – Chính thống giáo), gần với thế giới Tây Á (Islam giáo) và chỉ cách quần đảo Nhật Bản (Shinto giáo) một dải biển tương đối hẹp nên từ trong lịch sử, cư dân bán đảo Triều Tiên từng có các mối liên hệ văn hóa, kinh tế, nhân chủng, ngôn ngữ... với nhiều quốc gia, nền văn hóa khác nhau. Trải qua thời gian, các

¹ Trong bài viết này, khái niệm “Triều Tiên” dùng để chỉ nước Triều Tiên (Cao Ly, Koryo) trong lịch sử đồng thời cũng để chỉ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (tức miền Bắc Triều Tiên hiện nay). Trong khi đó, khái niệm “Hàn Quốc” dùng để chỉ nước Đại Hàn Dân quốc, tức Cộng hòa Hàn Quốc (Republic of Korea). Khái niệm “Bán đảo Triều Tiên” bao hàm một không gian lãnh thổ rộng lớn, tức cả hai miền Bắc và Nam Triều.

yếu tố văn hóa đó đã hợp luyện và tôi rèn nên một truyền thống văn hóa đa dạng, năng động, giàu bản sắc của cư dân bán đảo. Mặt khác, do có vị thế *địa - chính trị, địa - chiến lược* quan trọng nên Triều Tiên (Cao Ly, Koryo) cũng phải thường xuyên đối diện với các đế chế lục địa và nhiều cường quốc đại dương từ châu Á, châu Âu tràn tới.

Nhìn nhận lịch sử của các quốc gia khu vực Đông Á như những dòng chảy tiếp nối chúng ta cũng thấy, cùng với xu hướng giao lưu, hợp tác truyền thống, mối quan hệ giữa các quốc gia khu vực đã trải qua không ít thách thức, khó khăn. Các nhà nghiên cứu từng đưa ra nhiều phân tích, luận giải khác nhau nhưng qua chất lọc của thời gian, với những cách nhìn đồng đại, lịch đại, có thể thấy hiện lên và xuyên suốt hai nguyên nhân chính yếu: *Thứ nhất*, sự trỗi dậy và mưu tính của các cường quốc, đế chế châu Á (nội vùng) về lãnh thổ, giành đoạt tài nguyên, vị thế chính trị khu vực; và *Thứ hai*, là sự can thiệp, tham vọng (và cả những cuồng vọng) của các cường quốc phương Tây (ngoại vi), đặc biệt là từ thế kỷ XIX, đã dồn đẩy các dân tộc châu Á vào tình trạng chiến tranh, tàn sát và hủy diệt. Tất cả những hành động đó đã gây nên hậu quả nghiêm trọng với cư dân bán đảo Triều Tiên và nhiều quốc gia Đông Á.

Là một trong những dòng chảy mạnh mẽ, đầy sinh lực của văn minh Đông Á, lịch sử - văn hoá bán đảo Triều Tiên luôn chịu nhiều tác động của môi trường chính trị khu vực, thế giới trên cả phổ rộng và chiều sâu lịch sử. Trong tiến trình dân tộc, cùng với khuynh hướng tập quyền, thống nhất là khuynh hướng phân cực hay phân quyền luôn ẩn tàng trong diễn trình lịch sử của vùng bán đảo. Có thể đưa ra những lát cắt thời gian để hiểu thêm về sự vận động của các khuynh hướng chính trị đó:

Với tư cách là thành viên gắn bó mật thiết của xã hội Đông Bắc Á, trước sự suy yếu rồi sụp đổ của nhà Đường (618 - 907), trong thời kỳ chuyển giao quyền lực giữa nhà Đường và nhà Tống (960 - 1279) cư dân bán đảo Triều Tiên, sau một thời gian chịu ảnh hưởng và áp chế của Trung Hoa, đã tranh thủ thời cơ, giành lại nền độc lập dân tộc. Như vậy, sự thống trị về chính trị và cả những cưỡng chế văn hoá của một đế chế lớn đã không thể làm triệt tiêu tinh thần dân tộc mà ngược lại càng hun đúc cốt cách văn hóa của một quốc gia và ý thức về chủ quyền. Trong diễn trình lịch sử, tư tưởng Phật giáo thâm thấu trong văn hoá Triều Tiên từ những thế kỷ đầu sau Công nguyên đã hòa luyện với những tôn giáo, tín ngưỡng bản địa và thực tế đã góp phần thúc đẩy sự phát triển, hoàn thiện hệ thống triết luận của *Shaman* giáo. Là tôn giáo bản địa, *Shaman* giáo luôn là điểm tựa tinh thần, sức sống và sự cố kết dân tộc.

Vào thế kỷ X ở vùng bán đảo Triều Tiên, trước sự suy thoái của nhà Đường, vương quốc Shilla (668 - 891), vốn được triều đình Trường An bảo trợ, bị suy yếu mau chóng. Nhân cơ hội đó, năm 918, Wang Kon (*T'aejo* - Thái tổ, cq: 918-943), một quý tộc vùng Kaesong, đã nổi lên, lập nên một triều đại lớn tức vương triều Koryo (Cao Ly - Triều Tiên) tồn tại từ năm 918 đến năm 1392. Cuộc đấu tranh chính trị và quân sự quyết liệt của Wang Kon nhằm tiêu diệt các thế lực chính trị đối lập, đặc biệt là giới quý tộc

Shilla và Paekche, đã diễn ra trong bối cảnh không có sự can thiệp của bên ngoài. Trên bình diện khu vực chúng ta cũng thấy, nhân sự suy vi của nhà Đường, một số quốc gia Đông Á như Đại Việt cũng đã mau chóng giành lại nền độc lập dân tộc sau hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc. Trong bối cảnh đó, người Nhật cũng mau chóng kết thúc một thời mở cửa, thực thi chính sách “phục tùng văn hóa” Trung Hoa để bình tâm định diện, tiếp tục tái tạo, sáng tạo nên những giá trị, di sản văn hóa của chính mình. Với Triều Tiên, thắng lợi chính trị của Wang Kon đã mở ra một thời kỳ phát triển thịnh trị, thống nhất của triều đại Koryo kéo dài 474 năm trong lịch sử vùng bán đảo².

Để xây dựng một nhà nước tự chủ, những người đứng đầu chính quyền Koryo vừa kiên quyết bảo vệ nền độc lập về chính trị nhưng cũng không chối từ những di sản quý báu của văn minh Trung Hoa, trong đó có việc tiếp thu để hoàn thiện thể chế nhà nước. Quyết định đó thể hiện rõ tầm suy nghĩ và bản lĩnh của một dân tộc. Kể từ khi Wang Kon lên ngôi, thiết chế nhà nước theo mô hình Trung Hoa mới từng bước được áp dụng ở Triều Tiên và phải đến thế kỷ XV thì thiết chế lục bộ mới được thiết lập hoàn chỉnh và đảm đương những chức năng rõ rệt³. Trải qua 5 thế kỷ, xã hội Koryo đã có nhiều chuyển biến lớn. Nhiều giá trị văn hóa đặc sắc cũng đã được sản sinh trong thời kỳ này.

Đến thế kỷ XV, trong quan hệ giữa các quốc gia khu vực Đông Á đã diễn ra một số cuộc chiến tranh. Trung tâm gây nên các cuộc xung đột và áp lực chính trị đó là chính quyền Minh (1368 - 1644). Trục chính của áp lực chính trị này chủ yếu chuyển động theo hướng Bắc - Nam. Theo đó, Triều Tiên ở phía Bắc và Đại Việt ở phương Nam là những quốc gia chịu nhiều thách thức nhất.

Là một đế chế cường thịnh ở phương Đông, triều Minh không chỉ muốn khuếch trương những giá trị của văn hoá Trung Hoa, mà còn nuôi tham vọng mở rộng những ảnh hưởng chính trị, kinh tế, văn hoá ra các quốc gia khu vực và cả vùng “ngoại vi”, tức các vùng biển và hải đảo mà nhiều triều đại phong kiến trước đây chưa vươn tới. Các hoàng đế triều Minh đã dùng sức mạnh quân sự và uy lực chính trị để gây sức ép với triều đình Choson (1392 - 1910). Cùng với áp lực chính trị từ phía bắc và sự trỗi dậy, uy hiếp tiềm ẩn của người Jurchen (Nữ Chân), vương triều Lý (Yi, Choson) do Yi Song Gye (Lý Thành Quế), hiệu T'aejo (*Thái tổ*, cq: 1392 - 1398) ngay sau khi được thiết lập năm (918 - 1392) đã phải dời đô từ vùng Kaegyong (Bình Nhưỡng) về Hansong (Hán Thành). Việc lựa chọn Hán Thành ngoài yếu tố phong thủy, vị trí quân sự chiến lược hiểm yếu

² Nguyễn Văn Kim: *Đại Việt trong bối cảnh lịch sử Đông Á thế kỷ X*, trong: Việt Nam trong thế giới Đông Á - Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2011, tr.58.

³ Carter J.Eckert - Ki-baik Lee - Young Ick Lew - Michael Robinson - Edward W.Wagner: *Korea - Old and New: A History*, Ilchokak Publishers for Korea Institute, Harvard University, 1990, pp.109-115.

còn thể hiện tầm nhìn hướng Đông của chính quyền Choson. Điều chắc chắn là, chính quyền này không thể không tính đến việc triều đình Koryo từng hỗ trợ cho quân đội Mông - Nguyên tấn công Nhật Bản hai lần vào năm 1274 và 1281. Trong bối cảnh giới cầm quyền Nhật Bản luôn nuôi tham vọng với lục địa châu Á, triều đình Hansong nhận thấy, không thể chuyển kinh đô quá sâu xuống phía nam bởi lẽ người Nhật có thể gây nguy hiểm có để tấn công Triều Tiên khi thời cơ đến⁴.

Trong khi đó, để thích ứng với những biến đổi khu vực, đồng thời do luôn chịu áp lực mạnh mẽ từ đế chế Trung Hoa, chính quyền Choson muốn hướng đến kiến dựng một nền tảng tư tưởng mới, một mô hình tổ chức, quản lý nhà nước theo mô thức Trung Hoa. Xu thế chính trị đó trên thực tế đã “biến đổi Triều Tiên hoàn toàn thành một nước “*Trung Quốc hoá*” (Sinified)⁵. Triều đình Choson đã dựa theo khuôn mẫu Trung Hoa (*Chinese model*) để tự thiết lập nên một thiết chế chính trị từ Trung ương đến các địa phương do giới quý tộc *yangban* (lương ban) đứng đầu. Về đối ngoại, để xây dựng và củng cố vương quyền, triều đình Choson một mặt thực thi chính sách khoan hoà, thân phục nhà Minh, giữ cân bằng quyền lực với Nhật Bản, đồng thời kiên quyết giữ vững chủ quyền và nền độc lập dân tộc. Nhằm chuẩn bị những kháng lực cần thiết, sẵn sàng ứng đối với các cường quốc khu vực, nhà Lý đã phải tiến hành hàng loạt cải cách chính trị.

Để thích ứng với những biến đổi chính trị khu vực, củng cố vương quyền và nhu cầu của nhiều tầng lớp xã hội đang hướng mạnh đến những giá trị mới, Tống Nho được tôn vinh và từng bước khẳng định vị trí trọng yếu trong xã hội. Từ cuối thế kỷ XIV, triều đình Choson bắt đầu coi học thuyết Tống nho là hệ tư tưởng chính thống. Trong bối cảnh đó, Tân Nho giáo được An Yu (An Dụ) truyền về Triều Tiên thế kỷ XIV đã trở thành cơ sở cho việc xây dựng hệ thống triết luận và những nguyên tắc chính trị, xã hội, san định luật pháp v.v... Tân Nho giáo đã luận giải quy luật của vũ trụ, thuyết thiên mệnh đồng thời qua đó nhấn mạnh đến những nguyên tắc bất biến về lòng trung thành, sự phục tùng tuyệt đối của những kẻ bề tôi với vương vị⁶. Trên phương diện xã hội, tuy

⁴ Đến cuối thế kỷ XVI, dưới thời cầm quyền của Toyotomi Hideyoshi (1536-1598), Nhật Bản đã xâm lược Triều Tiên hai lần vào năm 1592 và 1597-1598. Cả hai lần, quân đội Nhật Bản đều bị quân và dân Triều Tiên dưới sự lãnh đạo của Yi Sun Shin (Lý Thuấn Thần) đánh bại. Đội “*Thuyền rùa*” của Đô đốc Yi đã giành ưu thế trên biển, chặn đứng nhiều đợt tấn công và các đoàn thuyền tiếp viện của quân đội Nhật Bản.

⁵ Andrew C.Nahm: *Lịch sử và văn hoá bán đảo Triều Tiên*, Sđd, tr.125; James B.Palais: *Politics and Policy in Traditional Korea*, Harvard East Asian Monographs, 1991, p.6-9.

⁶ Năm 1400, nhằm diễn chế hoá mọi hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, vua T'aejo (Thái Tổ, cq: 1392 - 1400) đã ban hành *Bộ luật hành chính* đầu tiên của triều đại Choson. Sau đó chính ông lại tiếp tục cho ban bố *Sáu bộ luật cai trị*. Các bộ luật này đã được vua kế vị là T'aejong (Thái Tông, cq: 1400-1418) chỉnh lý, bổ sung. Trên cơ sở đó, các vua kế nghiệp tài năng như Sejong (Thế Tông, 1418 - 1450) và Songjong (Thành Tông, 1469 - 1494) đã lần lượt ban hành hai bộ luật mới

học thuyết xã hội của Tống Nho coi trọng *Ngũ thường* nhưng cũng luôn bảo tồn nghi lễ thờ phụng tổ tiên và không trở nên quá đối nghịch với tôn giáo, tín ngưỡng bản địa. Trong một quốc gia thống nhất, thay cho Phật giáo, Nho giáo đã lan tỏa đến nhiều tầng lớp xã hội, khuyến khích sự phát triển của một xã hội học tập, lan tỏa những giá trị đạo đức mới và tư duy lý tính⁷. Cũng vào thế kỷ XV, thời vua Sejong (Thế tông, 1418-1450) chữ *Hangul* cũng được sáng tạo một cách khoa học, là minh chứng cho ý chí độc lập và tinh thần yêu nước của một dân tộc, góp phần quan trọng trong việc sáng tạo, truyền bá văn hóa và đưa nhiều đẳng cấp vươn đến một xã hội học tập.

Có thể nói, thế kỷ XV được coi là thế kỷ của sự kiến lập một mô hình nhà nước mới. Những nguyên tắc, chế độ luật pháp, đời sống tri thức, văn hóa đều có những phát triển vượt bậc. Theo đó, dấu ấn của một xã hội quý tộc cơ bản chấm dứt để thay vào đó là một thể chế quan liêu tập quyền cao. Mô hình mà chính quyền Choson thiết lập đã vươn tầm kiểm soát đến nhiều lĩnh vực hoạt động ở các địa phương. Về chính trị, thiết chế chính trị này thể hiện rõ đặc tính và sự vận động, chuyển biến theo xu thế chung của khu vực.

Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trước sự suy yếu của nhà Thanh sau hai cuộc Chiến tranh nha phiến, Triều Tiên lại chịu sự xâm nhập và áp lực chính trị từ Nhật Bản. Cùng với những áp lực chính trị, quân sự, tôn giáo từ các nước phương Tây; nỗ lực duy tồn quyền lực từ triều đình Bắc Kinh, chính quyền Choson còn phải đối diện với chính sách thực dân, xâm lược của một quốc gia đang nổi lên ở khu vực nuôi tham vọng giành quyền tôn chủ của nhà Thanh với triều đình Choson⁸. Chuyển hóa nền chính trị sang mô hình tư bản chủ nghĩa, chính quyền Minh Trị đã đặt ách trực trị lên bán đảo Triều Tiên. Trong suốt 35 năm (1910-1945), nền thống trị của Nhật Bản đã để lại biết bao ký ức nặng nề và những hậu quả chính trị, kinh tế, xã hội nghiêm trọng⁹. Cũng trong thời gian đó, sự hiện diện của các cường quốc phương Tây ở bán đảo Triều Tiên không chỉ đã làm thay đổi các mối quan hệ truyền thống, vị thế của các quốc gia Đông Á mà còn làm cho cục diện chính trị ở đây trở nên phức tạp. Hệ quả là, sau 468 năm thống nhất dưới triều đại Choson, đến giữa thế kỷ XX, cuộc Chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) với sự can

là: *Luật chính thống* và *Luật quốc gia*. Bên cạnh đó, các bộ sách chịu ảnh hưởng của quan điểm Nho giáo như *Tam cương hạnh thực* biên soạn xong năm 1432, *Quốc triều ngũ lễ nghi* (1474), *Trị Bình yếu lãm* (1441) cũng đã được lưu hành rộng rãi như là những tác phẩm chủ đạo.

⁷ Nguyễn Văn Kim: *Đại Việt trong bối cảnh lịch sử, chính trị Đông Á thế kỷ XV*, trong: *Việt Nam trong thế giới Đông Á...*, Sđd, tr.195.

⁸ Đỗ Tiến Quân: *Triều Tiên trong cục diện chính trị Đông Bắc Á thời kỳ cuối thế kỷ XIX*, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 10(164), 2014, tr.3-11.

⁹ Youn Dae-Yeong - Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng: *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862-1945)*, Nxb. Lao động, H., 2014, tr.67-71. Dương Quang Hiệp - Cao Nguyễn Khánh Huyền: *Chính sách mở cửa của Triều Tiên với Nhật Bản và các nước phương Tây từ năm 1876 đến năm 1895*, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 7(233), 2020, tr.37-46.

thiệt của Nga, Mỹ, Trung Quốc... một lần nữa đã đẩy vùng bán đảo đến tình trạng phân liệt.

2. ĐỐI THOẠI LIÊN TRIỀU TRONG MỘT THẾ GIỚI ĐA CỰC

Trong bối cảnh của thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh và một thế giới đa cực, không ít người hy vọng rằng, nền hòa bình, an ninh ở khu vực Đông Á sẽ được duy trì và đó chính là nhân tố bảo đảm cho quan hệ hợp tác và sự phát triển của châu Á¹⁰. Tuy nhiên, những diễn tiến phức tạp diễn ra trên bán đảo Triều Tiên, nạn khủng bố và tranh chấp chủ quyền biển đảo giữa Nhật Bản với Hàn Quốc (Takeshima/Dokdo), giữa Nhật Bản với Trung Quốc (Senkaku/Điếu Ngư) và giữa Trung Quốc với nhiều quốc gia Đông Nam Á (Hoàng Sa, Trường Sa) đã khiến tình hình chính trị khu vực trở nên hết sức căng thẳng. Bán đảo Triều Tiên có vị trí chiến lược ở khu vực Đông Á đã trở thành điểm nóng, khu vực cạnh tranh chiến lược của các nước lớn. Sự cạnh tranh này, cùng với mục tiêu lợi ích của mỗi nước đã định hình chiến lược của các quốc gia đó đối với bán đảo Triều Tiên¹¹.

Hơn bao giờ hết, nhu cầu về việc hình thành một cơ chế hợp tác an ninh đa phương ở khu vực Đông Á trở nên cấp thiết. Mặc dù đã đạt được một số thỏa thuận cần thiết nhưng tiến trình hợp tác khu vực vẫn chưa có những bước tiến căn bản, vững chắc. Cơ chế hợp tác an ninh đa phương Đông Á phải trải qua nhiều thách thức bởi đây là nơi tập trung nhiều cường quốc với lợi ích an ninh, kinh tế khác nhau. Các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ đều theo đuổi những toan tính riêng về các vấn đề khu vực. Bên cạnh đó, những khác biệt về hệ thống chính trị, tiềm lực kinh tế, văn hóa cùng sự duy tồn những di chứng, trách nhiệm lịch sử, mức độ thiếu tin cậy giữa các quốc gia... tất cả đã tạo nên một chuỗi những trở ngại trong việc xây dựng quan hệ hợp tác và bảo đảm an ninh khu vực¹².

Để giải quyết vấn đề bán đảo Triều Tiên, với nhiều nỗ lực, từ thập niên 1970 - 1980, nhu cầu cần có sự đối thoại hoà bình để tìm kiếm giải pháp thống nhất đất nước

¹⁰ Kishore Mahbubani: *Bán cầu châu Á mới - Sự chuyển giao tất yếu quyền lực toàn cầu sang phương Đông*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2010, tr.100-107.

¹¹ Nguyễn Kim Tôn: *Điều chỉnh chiến lược của Mỹ và triển vọng hòa bình trên bán đảo Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 8(222), 2019, tr.3-8.

¹² Martina Timmermann and Jitsuo Tsuchiyama: *Institutionalizing Northeast Asia - Regional Steps towards Global Governance*, United Nations University Press, 2008, p.5; Camilla T.N. Sorensen: *Security Multilateralism in Northeast Asia - A Lost Game or The only Way to Stability?*, JCIR, Vol.1, 2013, p.11. Xem Hoàng Minh Hằng: *Cơ chế hợp tác an ninh đa phương Đông Bắc Á: Thách thức và triển vọng*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 5(159), 2014, tr.3.

đã được đặt ra¹³. Trên cơ sở đó, bước vào thế kỷ XXI, một cơ chế đàm phán sáu bên đã được kiến lập. Mục tiêu của các cuộc đàm phán là nhằm đi tới giải quyết cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, đồng thời có thể tạo dựng một cơ chế bảo đảm an ninh, gây dựng lòng tin giữa các quốc gia Đông Á. Năm 2005, các bên tham gia đã ký kết *Tuyên bố chung* hướng đến mục tiêu cùng nỗ lực vì hòa bình, ổn định lâu dài ở khu vực đồng thời khai thác các cách thức và biện pháp nhằm bảo đảm an ninh chung. Năm 2007, cơ chế hòa bình và an ninh khu vực Đông Bắc Á (NEAPSM) đã được thiết lập nhằm thúc đẩy tiến trình đàm phán sáu bên. Mặc dù có nhiều khó khăn từ năm 2008 nhưng xu hướng đàm phán, hợp tác đa phương ở Đông Bắc Á vẫn đạt được những tiến triển nhất định bởi cơ chế đối thoại ba bên: Trung Quốc - Nhật Bản và Hàn Quốc. Các cuộc đàm phán tập trung bàn về các nhân tố tác động đến bán đảo Triều Tiên, tạo dựng cơ sở cho việc tuân thủ những nguyên tắc chung trong quan hệ hợp tác và luật pháp quốc tế.

Trong quá trình đàm phán, tìm kiếm các giải pháp thúc đẩy quá trình hòa bình, thống nhất trên bán đảo, *sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và “Chính sách xoay trục” của Mỹ là các nhân tố có tác động mạnh mẽ nhất*. Chủ trương của Mỹ tăng cường can dự vào châu Á kể từ năm 2000 đến nay đã có những ảnh hưởng đáng kể đến tình hình khu vực. Sự lớn mạnh của Trung Quốc, cả về kinh tế và quân sự, cùng tham vọng vươn lên trở thành cường quốc số một thế giới của giới lãnh đạo nước này đã khiến các quốc gia châu Á và thế giới lo ngại¹⁴. Trong những năm qua, Trung Quốc không ngừng tăng cường sức mạnh quân sự và trở thành nước có chi phí quốc phòng lớn nhất thế giới¹⁵. Các nước Đông Á đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc ngày càng quan tâm sâu sắc đến cuộc chạy đua vũ trang trên bán đảo Triều Tiên và tình trạng tranh chấp chủ quyền biển đảo. Nếu xung đột diễn ra chắc chắn sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng với an ninh của chung khu vực.

Những năm qua, thực hiện “Giấc mộng Trung Hoa”, cùng với việc sử dụng sức mạnh kinh tế, Bắc Kinh còn dùng đến quyền uy quân sự. Trung Nam Hải đã không ngừng thúc đẩy, mở rộng các mối quan hệ quốc tế; hiện đại hóa quân đội; thiết kế, trang

¹³ Phạm Quý Long: *Một số nét trong quan hệ liên Triều*, trong: Khoa Đông phương, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HN: Thúc đẩy Hàn Quốc học ở Việt Nam, Nxb. Thế giới, H., 2010, tr.341-348.

¹⁴ Đại Chiến lược của Trung Quốc có 4 giai đoạn: *Thứ nhất*, Làm thế nào để tự lập trên thế giới - Chiến lược sinh tồn; *Thứ hai*, Làm thế nào để hòa nhập với thế giới - Chiến lược phát triển; *Thứ ba*, Làm thế nào để dẫn đầu thế giới - Chiến lược trỗi dậy; *Thứ tư*, Làm thế nào để lãnh đạo thế giới - Chiến lược lãnh tụ. Xem Lưu Minh Phúc: *Giấc mơ Trung Quốc*, Nxb. Thời đại, 2011. Tham khảo thêm Trương Xuân Định: *Chiến lược đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 9(175), 2015, tr.3-13.

¹⁵ Nguyễn Hồng Quân: *Tiến trình hiện đại hóa quân đội Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 4(230), 2020, tr.3-10.

bị nhiều vũ khí, thiết bị quân sự hiện đại như tàu sân bay, máy bay tàng hình cùng nhiều loại vũ khí mới được chế tạo dựa trên việc ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến. Chính sách quốc phòng đó không chỉ nhằm bảo đảm an toàn cho quốc gia này mà còn có tác dụng răn đe, giành ưu thế trong các mối quan hệ quốc tế và giải quyết tranh chấp khu vực. Cuốn theo con lối của cuộc chạy đua, bất chấp những khó khăn về kinh tế, nhiều nước trong khu vực cũng phải dành những nguồn ngân sách lớn cho các chi phí quân sự. Hệ quả là, nền an ninh Đông Á luôn ở trong tình trạng căng thẳng, bất ổn¹⁶.

Sự đổ vỡ của cơ chế đối thoại sáu bên (2003-2008)¹⁷ rồi ba bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên năm 2012 là minh chứng cho thấy quan ngại của các nước tham gia trước chủ trương “kiên trì” theo đuổi chính sách hạt nhân của Triều Tiên và sự hình thành chủ nghĩa cường quyền, dân tộc vị kỷ đang hình thành ở Đông Bắc Á¹⁸. Mặc dù từ đầu năm 2014, Nhật Bản đã kêu gọi nhóm họp lại hội nghị thượng đỉnh ba bên nhưng không được Trung Quốc ủng hộ. Bắc Kinh luôn muốn duy trì cơ chế đàm phán song phương bởi cơ chế đa phương dễ đẩy nước này đến tình thế cô lập trước sự phong tỏa ngoại giao của Mỹ với sự hỗ trợ của Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước khác.

Theo Bắc Kinh, “vấn đề hạt nhân” trên bán đảo Triều Tiên có thể đã tìm kiếm được giải pháp thực tế nếu Mỹ và Triều Tiên trực tiếp đàm phán mà không có sự tham gia của các bên về những vấn đề chính trị nội bộ của hai miền Nam - Bắc cũng như sự kiện bất cóc con tin Nhật Bản. Hiển nhiên, Trung Quốc không mong muốn có một Triều Tiên thực sự suy yếu hay sụp đổ bởi Trung Quốc luôn cần một vùng đệm với Mỹ và vấn đề hạt nhân. Đối thoại để thống nhất bán đảo Triều Tiên là những con bài có thể mặc cả với siêu cường này¹⁹. Do vậy, việc thúc đẩy cơ chế đàm phán sáu bên là giải pháp ngoại giao thay thế cho biện pháp quân sự hay cấm vận mà các nước khác đưa ra có thể giúp Bắc Kinh giữ cho Bình Nhưỡng không sụp đổ để từ đó hướng nước này đi theo con

¹⁶ Võ Hải Thanh: *Tổng quan về tình hình kinh tế và chính sách đối ngoại của Triều Tiên dưới thời Chủ tịch Kim Jong-un*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(226), 2019, tr.8-17.

¹⁷ Tính đến tháng 6-2008 các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Nga đã tiến hành được 6 vòng đàm phán. Các cuộc đàm phán từng đạt được những tiến bộ đáng kể đặc biệt là vòng đàm phán thứ tư ngày 19-9-2005 với “Tuyên bố chung 19 tháng 9”. Xem thêm: Thông tấn xã Việt Nam: *Ai phải chịu trách nhiệm về vấn đề hạt nhân Triều Tiên?*, Bản tin Tham khảo đặc biệt, số 106, ngày 4-5-2016, tr.11-21.

¹⁸ Trong *Thông điệp đầu năm 2016* của người đứng đầu Đảng Lao động Triều Tiên Kim Jong Un nhiều lần nhấn mạnh đến tinh thần tự chủ trong việc thống nhất Triều Tiên, kiên quyết chống lại sự can thiệp của nước ngoài. Dẫn theo Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 2(180), 2010, tr.76.

¹⁹ Pacific Forum CSIS: *Evolution of Multilateral Security mechanism in Northeast Asia: Issues and prospect, Issues and Insights*, Vol.11, No.4, 3/2011, p.66.

đường cải cách kinh tế của Trung Quốc, phát huy tối đa lợi thế chiến lược của Trung Quốc.

Với Washington, những xung đột, mâu thuẫn khu vực và nguy cơ của tình trạng khủng bố ở châu Á khiến chính quyền nước này quyết tâm thể hiện “trách nhiệm bảo vệ đồng minh” và với các vấn đề an ninh khu vực. Sau chuyến công du châu Á năm 2009 của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton, người khởi xướng “*Chính sách tái cân bằng*”, Washington đã có nhiều biện pháp thực tế, thực thi “*Chính sách xoay trục*” về châu Á - Thái Bình Dương và gần đây, tháng 11/2017 tại Hội nghị thượng đỉnh APEC tại Đà Nẵng, Tổng thống Donald Trump đã công khai tuyên bố về việc khái niệm “*Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do và rộng mở*”. Đó thực sự là một điều chỉnh chiến lược của Mỹ. Chính quyền nước này đặt nhiều kỳ vọng về sức mạnh và tinh thần hợp tác của “*Tứ giác kim cương*” (QUAD, Mỹ - Nhật Bản - Australia và Ấn Độ)²⁰. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Nhóm Bộ tứ diễn ra vào ngày 24/5/2022, lãnh đạo 4 nước đã đưa ra sáng kiến “*Đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong lĩnh vực hàng hải*” (IPMDA) do Mỹ đứng đầu²¹.

Thực hiện chiến lược này, Mỹ gia tăng tiềm lực quân sự, can dự sâu hơn vào các nền kinh tế và các tổ chức quốc tế, đồng thời đẩy mạnh quan hệ song phương với Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan, Australia, coi đây là những điểm tựa tin cậy giúp Mỹ duy trì sự hiện diện, tăng cường ảnh hưởng, tranh thủ các khả năng để xây dựng thêm mối quan hệ với một số đối tác đang nổi lên như Malaysia, Indonesia,... Với chiến lược trở lại châu Á, những năm qua, tuy ngân sách quốc phòng bị cắt giảm nhưng Mỹ vẫn duy trì một lực lượng quân sự “*đủ mạnh*” ở châu Á để “*cân bằng lực lượng*” trước sức mạnh gia tăng của Trung Quốc và những cuộc thử vũ khí hạt nhân của Triều Tiên.

Thực hiện chiến lược trở lại châu Á và để kiềm chế Trung Quốc, tại Hội nghị Shangri La tháng 6/2012, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Leon Panetta tuyên bố sẽ điều 60% lực lượng hải quân, không quân Mỹ bố trí tập trung ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhằm giữ cân bằng giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Mục tiêu của kế hoạch này là nhằm “*thúc đẩy nền hòa bình khu vực*” và “*chia sẻ trách nhiệm an ninh*”²² với các đồng minh thân cận, nhân tố quan trọng trong quan hệ khu vực mà Mỹ giữ vị trí trung tâm. Việc thắt chặt quan hệ với Nhật Bản, Hàn Quốc đã giúp Mỹ kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc, duy trì một lực lượng quân đội mạnh để kiểm soát đồng thời sẵn sàng

²⁰ Bùi Nam Khánh: *Cạnh tranh nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tác động đến Đông Nam Á*, Tạp chí Khoa học Xã hội, Tập 7, số 3, 2021, tr.335.

²¹ Phương Dung: *Sáng kiến hàng hải mới của Bộ tứ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*, Hồ sơ Sự kiện, Chuyên san Tạp chí Cộng sản, số 473, ngày 25/6/2022, tr.46-48.

²² Ely Ratner: *Rabalancing to Asia with an Insecure China*, in The Washington Quaterly, Spring 2013, p.21-38. Xem thêm Thông tấn xã Việt Nam: *Các vấn đề quốc tế số 1 năm 2014*, tr.7; Thông tấn xã Việt Nam: tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 29/4/2014, tr.13.

đối phó với tình hình an ninh trên bán đảo Triều Tiên, eo biển Đài Loan cũng như nhiều điểm nóng về an ninh ở Đông Á. Cùng với việc triển khai một hệ thống phòng thủ tên lửa đánh chặn tầm ngắn ở Hàn Quốc và tầm trung tại Guam, Mỹ còn tiếp tục đầu tư để phát triển loại máy bay ném bom hạt nhân tầm xa thế hệ mới, thiết bị làm nhiễu âm điện tử, hệ thống rada và công nghệ phóng vệ tinh thế hệ mới²³.

Để giải quyết các vấn đề khu vực, Mỹ coi việc củng cố quan hệ đồng minh chiến lược với Nhật Bản, Hàn Quốc, sẵn sàng bảo đảm an ninh cho các nước này là ưu tiên hàng đầu. Năm 2010, Nhật Bản đã thay đổi chiến lược quân sự, chuyển trọng tâm từ đối phó với Nga ở phía bắc sang đối phó với Trung Quốc ở phương Nam. Nhật Bản luôn coi Trung Quốc và Triều Tiên là hai mối đe dọa chính yếu. Cuối năm 2013, Tokyo đã thông qua “*Chiến lược an ninh quốc gia mới*”, chủ trương tăng cường sức mạnh quốc phòng để đối phó với tham vọng ngày càng cao của Bắc Kinh và coi đây là động thái thể hiện sự chia sẻ trách nhiệm với Mỹ. Nhật Bản đã tăng ngân sách quốc phòng trong 5 năm (2014 - 2019) lên 240 tỷ USD để trang bị các thiết bị, vũ khí hiện đại.

Do tác động của hai nhân tố là Mỹ và Trung Quốc, tiến trình hợp tác an ninh đa phương khu vực đã gặp nhiều trở ngại. Thay vào đó là các hợp tác song phương (Mỹ - Nhật, Mỹ - Hàn), hay đối thoại 3 bên Mỹ - Nhật - Trung, và cả các cuộc đối thoại tay ba: Trung - Nhật - Hàn, Mỹ - Trung - Hàn. Việc đa phương hóa các quan hệ hợp tác song phương hay tam phương là giải pháp nhằm hình thành một cơ chế, cấu trúc an ninh đa tầng đối phó với các mối đe dọa từ an ninh truyền thống và phi truyền thống. Với Nhật Bản, “Tất cả những động thái đó đi ngược lại những gì mà Nhật Bản đã từng thực hiện trong quá khứ. Điều đó cho thấy Nhật Bản đang dần thay đổi để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới, để đáp lại những thay đổi của môi trường an ninh xung quanh và gia tăng sự cạnh tranh sức mạnh với các nước Đông Bắc Á đặc biệt là Trung Quốc”²⁴.

Trong quan hệ tay ba Mỹ - Nhật - Hàn, trong không ít trường hợp, việc thiếu sự đồng thuận cao và tinh thần sẵn sàng chia sẻ là những trở lực không nhỏ khiến Mỹ khó có thể triển khai mau chóng, hiệu quả chiến lược an ninh khu vực. Mỹ không muốn mất đi vị thế áp đảo khi phải thực hiện các cam kết hợp tác đa phương. Trong khi triển khai các cuộc tập trận chung ngoài mục tiêu thắt chặt, củng cố mối quan hệ đồng minh, Mỹ còn muốn phô trương sức mạnh quân sự, vũ khí hiện đại và gửi thông điệp răn đe đến các đối thủ ở khu vực. Trên thực tế, các cuộc tập trận chung với Hàn Quốc mang tên “Giải pháp then chốt”, hay “Đại bàng con” đã tiếp tục gây nên tình trạng căng thẳng ở vùng Đông Bắc Á, mặt khác cũng khiến Triều Tiên phải gia tăng sức mạnh quân sự.

²³ Jeffrey A.Bader: *Obama và sự trỗi dậy của Trung Quốc - Bên trong chiến lược châu Á của Mỹ*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2016, tr.73-86.

²⁴ Xem Nguyễn Ngọc Nghiệp: *Cạnh tranh sức mạnh quân sự ở khu vực Đông Bắc Á trong những năm gần đây và dự báo*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(166), 2014, tr.9.

Trong khi đó, CHDCND Triều Tiên luôn ưu tiên hàng đầu cho việc củng cố, phát triển sức mạnh quân sự dựa trên chính sách “Tiên quân” (*Songun*, Quân sự trước tiên). Con bài quân sự đặc biệt là vũ khí hạt nhân luôn được Bình Nhưỡng sử dụng để mặc cả với Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước khác. Mặc dù, Chủ tịch Kim Jong-un luôn nhấn mạnh, Triều Tiên là một cường quốc hạt nhân có trách nhiệm, sẽ không sử dụng vũ khí hạt nhân nếu không bị các thế lực xâm lược, thù địch đe dọa. Triều Tiên cũng không sử dụng vũ khí hạt nhân để đe dọa bất cứ quốc gia nào, tích cực hợp tác để xây dựng một thế giới mới hòa bình và công bằng. Thay vì chính sách “Tiên quân”, năm 2013 Triều Tiên đã thực hiện chính sách “Song tiến” (*Byungjin*) phát triển cả kinh tế và quân sự. Tại Đại hội VII Đảng Lao động Triều Tiên (2016), Triều Tiên đã đề ra chiến lược huy động tổng lực để phát triển thành một cường quốc kinh tế, tự lực, tự cường, lấy khoa học và công nghệ làm đòn bẩy. Trên phương diện đối ngoại, trong năm 2018 lãnh đạo Triều Tiên đã tổ chức 6 cuộc gặp thượng đỉnh với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, Hàn Quốc và Mỹ. Triều Tiên đã tham gia hai cuộc gặp thượng đỉnh Mỹ - Triều tổ chức ở Singapore (12/6/2018) và Việt Nam (27-28/2/2019). Hai bên (và các bên) đều hiểu rõ rằng, vấn đề bán đảo Triều Tiên không thể giải quyết mau chóng, bởi “Mấu chốt quan trọng nhất của vấn đề là Hoa Kỳ - Triều Tiên phải đi tới thỏa hiệp về nội hàm và tiến trình của việc thực hiện phi hạt nhân hóa, cơ chế hòa bình lâu dài cho bán đảo Triều Tiên, việc bình thường hóa quan hệ Hoa Kỳ - Triều Tiên và giải tỏa các biện pháp cấm vận, trừng phạt đối với Triều Tiên”²⁵.

Tuy nhiên, các cuộc đấu pháo, phóng tên lửa, va chạm tàu thuyền và thử nghiệm vũ khí hạt nhân khiến tình hình bán đảo và khu vực Đông Bắc Á luôn trong tình trạng bất ổn. Triều Tiên thường coi các cuộc tập trận chung giữa Mỹ - Hàn Quốc, Mỹ - Nhật Bản và “Chính sách xoay trục” của Mỹ là nguyên nhân cho việc gia tăng sức mạnh quân sự bất chấp sự lên án của cộng đồng quốc tế và lệnh cấm vận của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Như vậy, “Chính việc gia tăng sức mạnh quân sự của Triều Tiên là một trong những nguyên nhân làm cho các nước trong khu vực phải tăng cường phòng thủ bằng cách nâng cấp các trang thiết bị quân sự qua đó làm gia tăng chạy đua sức mạnh quân sự giữa các quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á”²⁶.

Trong quan hệ khu vực, Trung Quốc và Nga là hai thị trường lớn. Trung Quốc với 1,2 tỷ người, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm trên 7% sẽ là nhân tố bảo đảm cho nước này thúc đẩy quan hệ khu vực. Tuy nhiên, việc phát triển kỹ thuật cao của Trung Quốc cũng cần hợp tác với Nga, Nhật Bản và Hàn Quốc. Cùng với việc mở rộng thị trường và thu nhập bình quân đầu người được nâng cao, Trung Quốc sẽ là nhân tố quan

²⁵ Trả lời phỏng vấn báo chí của Thứ trưởng Lê Hoài Trung sau cuộc gặp Thượng đỉnh Mỹ - Triều tại Hà Nội. Xem <https://dangcongsan.vn/preview/pid/0/new/515469> ngày 8/3/2019.

²⁶ Nguyễn Ngọc Nghiệp: *Cạnh tranh sức mạnh quân sự ở khu vực Đông Bắc Á trong những năm gần đây và dự báo*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(166), 2014, tr.10.

trọng trong quan hệ hợp tác liên Á và Á - Âu. Kinh tế Triều Tiên lệ thuộc nhiều vào Trung Quốc. Trung Quốc là nhà viện trợ kinh tế lớn nhất cho Triều Tiên kể từ sau năm 1991. Năm 2016, Trung Quốc chiếm 85,6% trong tổng sản phẩm xuất khẩu và 90,3% lượng hàng hóa nhập khẩu vào Triều Tiên. Tổng thống Donald Trump từng khẳng định: “Trung Quốc là một nhà hỗ trợ lớn, lớn hơn những gì mọi người biết. Trên biên giới, 93% hàng hóa đến Triều Tiên đi qua Trung Quốc. Đó là một sự ảnh hưởng lớn. Đồng thời, tôi tin rằng Triều Tiên đang theo đuổi quan điểm riêng của mình và không nhận lệnh từ bất kỳ ai”²⁷. Thực tế, giao thương giữa hai nước đã giảm mạnh kể từ năm 2017 khi Trung Quốc quyết định áp dụng lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc lên Triều Tiên²⁸. Bên cạnh đó, kinh tế Nga sau một thời gian cải cách đã bắt đầu phục hồi. Mặc dù nắm giữ nhiều nguồn lực về tài nguyên nhưng việc khai thác tài nguyên, sản xuất hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề... của Nga đang rất cần hợp tác với bên ngoài. Bên cạnh đó, cuộc chiến tranh giữa Nga với Ukraine diễn ra gần đây cũng khiến Nga bị chi phối trong mối quan tâm đến vùng Đông Bắc Á. Trong khi đó, đối với Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc, việc xác lập được vị thế trong các thị trường mới ở châu Á như Triều Tiên, Trung Quốc và Nga là mục tiêu chiến lược.

Trong quan hệ giữa các nước Đông Á, việc giải quyết thành công hay không thành công các bất đồng chính trị, quân sự sẽ có những tác động đến đời sống kinh tế. Sau vụ đụng độ giữa tàu tuần duyên Nhật Bản với tàu cá Trung Quốc tháng 9/2010, Trung Quốc đã ngừng xuất khẩu đất hiếm sang Nhật Bản, đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến các ngành sản xuất công nghệ cao của Nhật Bản. Sau khi Tokyo tuyên bố quốc hữu hóa vùng đảo Senkaku năm 2012, các cuộc biểu tình chống Nhật, làn sóng tẩy chay hàng hóa Nhật Bản ở nhiều tỉnh Trung Quốc đã diễn ra, gây tổn thất cho nhiều doanh nghiệp, nhà máy của Nhật Bản, đặc biệt là công nghiệp sản xuất ô tô. Chuyến thăm của Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung Bak tới vùng quần đảo tranh chấp, khiến mâu thuẫn về chủ quyền tăng lên. Nhật Bản cảnh báo không tiếp tục thực hiện thỏa thuận hoán đổi tiền tệ với Hàn Quốc trị giá 70 tỷ USD. Đây là thỏa thuận quan trọng có thể giúp Hàn Quốc có được nguồn ngoại tệ đủ mạnh để can thiệp vào thị trường, ngăn chặn nguy cơ đồng *won* sụt giá so với đồng *yên* Nhật Bản và các đồng tiền mạnh khác²⁹. Trong quan hệ Nhật - Hàn, hai đồng minh thân cận của Mỹ, dù cuộc tranh chấp Takeshima/Dokdo có thời điểm trở nên hết sức căng thẳng nhưng cuộc tranh chấp đó khó có khả năng dẫn đến tình trạng

²⁷ NPR'S Rachel Martin and Abraham Denmark: *The Regional Impact of The North Korea Summit's Collapse*, <http://www.npr.org/2019/3/1/699261964>.

²⁸ Võ Hải Thanh: *Tổng quan về tình hình kinh tế và chính sách đối ngoại của Triều Tiên dưới thời Chủ tịch Kim Jong-un*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(226), 2019, tr.10.

²⁹ Vũ Thị Mai: *Chiến lược an ninh của Mỹ và Trung Quốc ở Châu Á - Thái Bình Dương và ảnh hưởng của nó tới an ninh khu vực Đông Bắc Á hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 5(159), 2014, tr.11-19.

xung đột bởi Nhật Bản và Hàn Quốc là hai đối tác hợp tác kinh tế bền chặt, đồng thời là “đồng minh chiến lược”, “trụ cột” của Mỹ ở châu Á.

Cùng với vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên và tình trạng căng thẳng xung quanh eo biển Đài Loan, “tính chất đối kháng trong tranh chấp chủ quyền biển đảo Đông Á gia tăng, đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn an ninh, quan hệ an ninh khu vực”³⁰. Do vậy, khả năng lồng ghép các vấn đề an ninh Đông Bắc Á vào khu vực Đông Á được coi là một trong những phương cách hữu ích kiếm tìm sự chia sẻ đồng thời làm giảm áp lực chính trị, xung đột lợi ích và tình trạng thiếu tin cậy giữa các quốc gia Đông Á. Đây cũng là điều Hội đồng An ninh châu Á - Thái Bình Dương (CSAP) đã chỉ ra “điểm yếu của chủ nghĩa đa phương an ninh châu Á là ở chỗ thiếu sự phối hợp thể chế hơn là sự thiếu hụt các thể chế an ninh. Vì thế, thay cho việc cố gắng thiết lập một thể chế đa phương riêng để giải quyết các vấn đề an ninh thì nên tập trung vào việc nỗ lực phối hợp các thể chế song phương hoặc đa phương để có thể tạo ra một chủ nghĩa an ninh đa phương thực sự”³¹.

3. TÌM KIẾM MÔ HÌNH, GIẢI PHÁP CHO MỘT QUÁ TRÌNH THỐNG NHẤT

Sau khi tuyên thệ nhậm chức ngày 25/2/2003, tiếp nối những thỏa thuận đạt được của những người tiền nhiệm³², Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo Hyun (2003 - 2008) đã đề xuất “Sáng kiến hợp tác Đông Bắc Á”. Sáng kiến được coi là chiến lược lâu dài nhằm kiến tạo hòa bình và thịnh vượng chung cho khu vực mà Hàn Quốc đóng vai trò chủ đạo. Hàn Quốc chủ trương xây dựng một trật tự mới cho sự hợp tác và hòa bình khu vực Đông Bắc Á, xây dựng mối quan hệ bình đẳng với Mỹ trên bán đảo Triều Tiên (mà thực chất là làm giảm ảnh hưởng của Mỹ); gia tăng quyền tự chủ trong việc bình thường hóa quan hệ với CHDCND Triều Tiên. Sáng kiến gồm ba bước/giai đoạn:

Thứ nhất: Tập trung giải quyết “vấn đề vũ khí hạt nhân” của Triều Tiên, đẩy nhanh tiến trình hòa bình trên bán đảo thông qua cuộc họp thượng đỉnh liên Triều lần

³⁰ Lê Văn Sang: *Cục diện địa chính trị Đông Á trong bối cảnh Mỹ xoay trục chiến lược về châu Á – Thái Bình Dương*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 2(156), 2014, tr.4.

³¹ The CSAP's Multilateral Security Governance in Northeast Asia/North Pacific: From the Six Party Talks to More Enduring Northeast Asian/North Pacific Security Multilateralism, Report to the CSAP Steering Committee, Bangkok, 22/1/2009. Dẫn theo Hoàng Minh Hằng: *Cơ chế hợp tác an ninh đa phương Đông Bắc Á: Thách thức và triển vọng*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 5(159), 2014, tr.7.

³² Từ những năm 1970, với việc theo đuổi chính sách đối ngoại ngày càng tự chủ hơn, các Chính phủ Hàn Quốc đã tích cực phát triển quan hệ với các quốc gia Đông Á nhằm đa phương hóa quan hệ ngoại giao. Xem thêm: Nguyễn Hoàng Giáp (Cb.): *Hàn Quốc với khu vực Đông Á sau Chiến tranh lạnh và quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2009, tr.19.

thứ hai, nối lại hệ thống đường sắt Bắc - Nam³³, xây dựng tổ hợp công nghiệp Kaesong, cải thiện môi trường hòa bình quốc tế bằng sự hòa giải giữa Triều Tiên và Mỹ, mở lại cuộc đàm phán giữa Nhật Bản và Triều Tiên để bình thường hóa quan hệ đồng thời khởi xướng một cơ chế hợp tác đa phương Đông Bắc Á về an ninh³⁴.

Thứ hai: Hủy bỏ chương trình hạt nhân của miền Bắc³⁵, chấm dứt lệnh trừng phạt của Mỹ đối với Triều Tiên, hợp tác kinh tế Nhật Bản - Triều Tiên và thiết lập một cơ chế cho sự hợp tác ở khu vực Đông Bắc Á vì hòa bình. Trong giai đoạn hai, cuộc hợp thượng đỉnh liên Triều sẽ được đặt thành thể chế. Văn phòng đại diện sẽ được mở tại Bình Nhưỡng và Seoul, nhằm chuẩn bị cho sự hợp tác kinh tế - xã hội toàn diện giữa hai miền.

Thứ ba: Tiến hành những giải pháp để phi hạt nhân hóa hoàn toàn trên bán đảo Triều Tiên nhằm hướng đến một nền hòa bình lâu dài. Quan hệ Mỹ - Triều, Nhật - Triều sẽ được bình thường hóa. Nhật Bản sẽ xem xét khả năng viện trợ kinh tế cho Triều Tiên và kết nạp nước này vào các cơ quan tài chính quốc tế, biến cuộc đàm phán 6 bên thành một chế độ hợp tác đa phương về an ninh. Những biện pháp xây dựng và củng cố lòng tin giữa hai miền về quân sự và biện pháp cắt giảm vũ khí sẽ được thi hành³⁶.

Như vậy, sáng kiến của Tổng thống Roh Moo Hyun tập trung vào ba chủ đề then chốt là: 1. Vấn đề vũ khí hạt nhân của Triều Tiên, 2. Cải thiện quan hệ giữa hai miền, và 3. Tăng cường quan hệ hợp tác với các quốc gia đặc biệt là “các nước sáu bên” để bảo đảm an ninh khu vực. Tuy nhiên, trên thực tế Hàn Quốc và các thanh sát viên của Cơ

³³ Trong Chiến tranh Triều Tiên, đường sắt Bắc - Nam đã bị cắt đứt và được nối lại ngày 17-5-2007. Viện trợ nhân đạo của Hàn Quốc cho Triều Tiên đã tăng từ 93,7 triệu USD năm 2003 lên 209 triệu USD năm 2006. Thời Roh Moo Hyun cầm quyền, các gia đình ly tán đã được sum họp 8 lần, các cuộc trao đổi xã hội, văn hóa cũng được đẩy mạnh.

³⁴ Những thỏa thuận lịch sử đạt được vào tháng 12/1991 về *Hợp tác và trao đổi* (Hiệp định cơ sở) và *Tuyên bố chung về Phi hạt nhân hóa trên bán đảo Triều Tiên* có ý nghĩa khai mở, đột phá cho quá trình thống nhất Triều Tiên. Quan hệ giữa hai miền Nam - Bắc đã chuyển từ thế đối đầu sang xu thế đối thoại, hợp tác. Từ tháng 3/2003 đến tháng 9/2007, có 113 cuộc đàm phán Bắc - Nam được tổ chức và 74 thỏa thuận được ký, 10 cuộc đàm phán liên Triều cấp bộ trưởng được triệu tập. Các cuộc đàm phán về kinh tế đã đạt được nhiều kết quả so với các lĩnh vực chính trị và quân sự. Đến tháng 4/2007, đã có 22 công ty Hàn Quốc hoạt động ở tổ hợp công nghiệp Kaesong đồng thời có thêm 20 công ty nữa đang xây dựng nhà máy. Tổ hợp đã thu hút 13.405 công nhân, sản lượng hàng năm ước tính đạt 100 triệu USD. Theo tính toán, dự án thu hút 30.000 việc làm cho Triều Tiên.

³⁵ Sau khi nhậm chức, Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo Hyun đã đề ra ba nguyên tắc: Không thừa nhận chương trình hạt nhân của Triều Tiên, Giải quyết hòa bình cuộc tranh chấp hạt nhân, và Đóng vai trò chủ động trong quá trình phi hạt nhân hóa Triều Tiên. Trong quá trình giải quyết vấn đề hạt nhân sẽ đồng thời cải thiện quan hệ liên Triều.

³⁶ Đỗ Trọng Quang: *Tổng thống Roh Moo-hyun trước sáng kiến hợp tác Đông Bắc Á và nỗ lực cải thiện quan hệ với CHDCND Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12 (82), 2007, tr.7-8.

quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) đã không ngăn cản được Triều Tiên sở hữu và tiếp tục sản xuất, thử nghiệm vũ khí hạt nhân. Những thỏa thuận đạt được và cam kết của Triều Tiên về việc đóng cửa các cơ sở hạt nhân, kể cả cơ sở tái chế nhiên liệu, cũng như việc mời nhân viên IAEA trở lại thanh sát, đồng thời sẵn sàng cung cấp danh sách các chương trình hạt nhân... đã không được thực hiện³⁷.

Nguyên nhân cơ bản khiến kế hoạch của Tổng thống Roh không khả thi bởi cả Trung Quốc và Nhật Bản đều không muốn Hàn Quốc trở thành trung tâm của quá trình hợp tác Đông Á³⁸. Bên cạnh đó, Mỹ cũng không ủng hộ nước này trở thành một đối tác “độc lập”. Việc xác lập nền hòa bình trên bán đảo Triều Tiên cũng không đạt được những tiến triển lớn do mâu thuẫn kéo dài xung quanh “vấn đề vũ khí hạt nhân”. Trong khi theo đuổi các mục tiêu chiến lược, mỗi bên đều cố gắng giành quyền chủ động, giữ thế ưu trội mà chưa tính đến vị thế và lợi ích sâu xa, căn bản của phía bên kia. Do vậy, rất khó để điều chỉnh chính sách và đi tới những quan điểm, nguyên tắc chung, thống nhất.

Nhìn chung, các bên tham gia đàm phán đều xác định quá trình thống nhất cần một khoảng thời gian dài, phải chuẩn bị những phương án, mô hình thống nhất cho tương lai. Bên cạnh đó, cũng cần chiến lược thống nhất và cách thức, lộ trình, giải pháp cho quá trình thống nhất ấy. Về mô hình thống nhất, người ta từng bàn đến một “Chế độ Liên bang” cho bán đảo Triều Tiên hoặc là thống nhất theo “Thuyết chức năng” hoặc “Thuyết chức năng mới”. Những người đề xuất mô hình “Cộng hòa Liên bang Dân chủ” cũng đưa ra yêu cầu cần thiết về việc hình thành “Một lực lượng quân sự quốc gia liên hợp” và “Một chính sách ngoại giao chung” trước khi hội nhập chính trị hai miền. Triều Tiên coi tái thống nhất như một sự kết thúc với tên cơ chế “Cộng hòa Liên bang Dân chủ Triều Tiên”, trong khi đó Hàn Quốc chủ trương quá trình thống nhất cần được thực hiện từng bước sau khi thiết lập một “Cộng đồng Quốc gia Triều Tiên”.

Một phân tích so sánh về thái độ, chính sách của các hệ thống chính trị - xã hội cùng tồn tại ở các nước bị chia cắt cho thấy trong mỗi một trường hợp cụ thể, sự duy trì,

³⁷ Đáp lại cam kết của Triều Tiên ngày 13/02/2007, Mỹ đã đồng ý đàm phán song phương với Triều Tiên, đưa Triều Tiên ra khỏi danh sách các nước tiếp tay cho chủ nghĩa khủng bố, tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ. Nhật Bản cũng đồng ý nối lại thương lượng nhằm bình thường hóa quan hệ với Triều Tiên. 5 nước: Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga nhất trí cung cấp cho Triều Tiên 50.000 tấn dầu nặng nguyên liệu trong vòng 60 ngày nếu nước này thực hiện những cam kết.

³⁸ Dưới thời Tổng thống Kim Dae Jung (1998 - 2003) và Tổng thống Rho Moo Hyun chính phủ Hàn Quốc nhận được nhiều sự ủng hộ của Trung Quốc do việc tích cực cải thiện quan hệ liên Triều, đề cao vai trò của Trung Quốc và phần nào làm giảm vị thế của Mỹ. Việc chính quyền Lee Myung Bak (2008 - 2012) trở lại theo đuổi chính sách thân Mỹ khiến Trung Quốc không hài lòng, và đó là một trong những nguyên nhân khiến cơ chế đàm phán sáu bên chấm dứt.

phát triển của một hệ thống riêng biệt thường có những ưu tiên đến vị trí của các giá trị hơn là thành tựu chung quốc gia. Các kịch bản thống nhất ở nhiều nước thường kết thúc bởi chiến thắng của hệ thống này với hệ thống khác. Nước Đức không thể thống nhất nếu không có sự chuyển đổi của hệ thống cũ ở Cộng hòa Dân chủ Đức. Vì thế, việc Trung Quốc đề nghị mô hình “Một đất nước, hai chế độ” như đã từng áp dụng ở Hong Kong được coi là giải pháp khả thi trong trường hợp Đài Loan đã không thành hiện thực. Việc phủ nhận quyền bình đẳng giữa hai hệ thống khác nhau của Trung Quốc đã gây trở ngại cho việc xây dựng mô hình “Một quốc gia, hai chế độ” trên vùng bán đảo. Để hướng tới mục tiêu thống nhất, Hàn Quốc thành lập “Bộ Thống nhất Hàn Quốc” trực thuộc Phủ Tổng thống. Bộ có nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển môi trường chính trị giữa hai miền; tìm ra giải pháp, xây dựng lộ trình đi tới sự thống nhất; đề xuất các biện pháp thích hợp nhằm tạo ra sự đồng thuận hướng tới các mục tiêu chung là thống nhất đất nước.

Có nhà phân tích cho rằng, vấn đề thống nhất là vấn đề nội bộ của bán đảo Triều Tiên do vậy cần phải gạt bỏ những tác động của các nhân tố khu vực và quốc tế. Mỗi bên, Hàn Quốc và Triều Tiên cần tự kiềm chế để làm giảm thiểu tình hình căng thẳng trên bán đảo để từ đó tạo nên mối quan hệ tin cậy, môi trường hòa bình và rồi từ đó đi đến quá trình thống nhất. Trong khi đó, có nhiều ý kiến chủ trương cần phải “quốc tế hóa” bán đảo Triều Tiên. Nói cách khác, các nước lớn (Mỹ, Nga...) và các quốc gia khu vực (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...) vốn đã và đang có nhiều ảnh hưởng với vùng bán đảo cần phải tìm kiếm giải pháp chung cho một quá trình thống nhất. Trên cơ sở những giải pháp chung và tổng thể đó, các nước sẽ đóng vai trò như những lực lượng trung gian, từng bước cải thiện quan hệ giữa Triều Tiên và Hàn Quốc trên cơ sở cả hai đều tham gia vào những chương trình hợp tác khu vực và tự nhận diện lẫn nhau để rồi đi đến thống nhất.

Về giải pháp, để đi đến thống nhất vùng bán đảo thì thống nhất chính trị là điều có ý nghĩa quan trọng. Có thể coi đây là điều kiện tiên quyết rồi mới đi đến giải quyết các vấn đề liên quan khác. Thống nhất chính trị là một quá trình sáp nhập các hệ thống chính trị có nhiều khác biệt thành một thực thể chung. Từ đó, từng bước hóa giải những khác biệt về ý thức hệ, tâm lý, lợi ích giai cấp, thu nhập, mức sống. Trên nền tảng những nhất trí mang tính nguyên tắc về chính trị, các liệu pháp về kinh tế và văn hóa, khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, ý thức chung về nguồn cội,... được đề cao. Trải qua thời gian, những khác biệt sẽ dần được khắc phục và quá trình thống nhất thực sự sẽ diễn ra. Tuy nhiên, cũng có nhiều người cho rằng, trong bối cảnh hiện nay, một quan niệm như vậy là phi thực tế. Trường hợp thống nhất nước Đức năm 1989 - 1990 cho thấy, việc sáp nhập các đảng phái chính trị đã diễn ra hết sức khó khăn. Từ thống nhất về

chính trị đi đến thống nhất thực sự, toàn diện của một quốc gia còn là một quá trình lâu dài³⁹.

Trong quá trình tìm kiếm kinh nghiệm, giải pháp thúc đẩy nền thống nhất trên bán đảo Triều Tiên, không ít chính khách, nhà nghiên cứu thường hướng sự quan tâm đến trường hợp Việt Nam (1975) và nước Đức (1990). Nhưng, cần phải khẳng định rằng, dù có thể tham khảo nhiều kinh nghiệm quý, hữu ích thì đó cũng chỉ là những mô hình tham chiếu, rất khó và dường như không thể áp dụng nguyên mẫu cho trường hợp bán đảo Triều Tiên bởi điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị và bối cảnh lịch sử khu vực châu Á và thế giới đã có nhiều đổi khác. Hơn thế, trong “Chiến tranh Việt Nam” kéo dài 21 năm (1954 - 1975), các bên tham gia đều đã phải gánh chịu những tổn thất hết sức nặng nề.

Nhìn nhận vấn đề cụ thể hơn chúng ta thấy nền tảng kinh tế Triều Tiên hiện còn thiếu vững chắc, đời sống người dân khó khăn. Nhiều tầng lớp xã hội thiếu hụt thông tin do ít có điều kiện tiếp xúc với đời sống chính trị thế giới và những phát triển của khu vực. Tuy nhiên, nước này được coi là có lực lượng quân sự hùng hậu, có khả năng chế tạo vũ khí hạt nhân, “thanh bảo kiếm” để bảo vệ đất nước. Trên phương diện xã hội, cùng với hiệu ứng của bộ máy tuyên truyền, tình trạng phân cát kéo dài 70 năm khiến nhiều người ở cả hai miền, nhất là giới trẻ Hàn Quốc đã quen sống và phần nào đã thích ứng với môi trường chính trị hiện tại. Với thế hệ sinh sau năm 1990, nguyên tắc “cùng tồn tại” có ý nghĩa quan trọng. Họ không sẵn sàng tham gia và ủng hộ cho một quá trình thống nhất mà ở đó họ phải mất đi những lợi ích về kinh tế, điều kiện việc làm và những dịch vụ xã hội. Họ cũng không dễ dàng chấp nhận những giá trị văn hóa, tuy có chung nguồn cội, nhưng sau 7 thập niên, đã có nhiều khác biệt giữa hai miền.

Đó là những khó khăn không nhỏ của quá trình thống nhất. Hơn thế, điều quan trọng là, những khác biệt về thể chế, tâm thế của các chính giới về mục tiêu, lộ trình và cách thức về một quá trình thống nhất. Tuy cùng hướng đến quá trình thống nhất nhưng mỗi bên dường như vẫn theo đuổi những mục tiêu khác biệt. Seoul cho rằng, tái thống nhất Triều Tiên chỉ có thể được thực hiện từng bước bởi hai miền còn có nhiều khác biệt về kinh tế và chính trị. Vì vậy, bước đi đầu tiên là phải tạo dựng lòng tin và môi trường hòa bình ở cả hai miền Nam, Bắc. Giải pháp này có thể thực hiện đồng thời với việc tạo dựng lòng tin và sự tham góp của các cường quốc. Vì thế, với Seoul cùng tồn tại hòa bình phải được coi như bước khởi đầu quan trọng nhất.

Trong khi đó, Bình Nhưỡng lại chủ trương quá trình tái thống nhất phải được thực hiện theo phương thức “toàn bộ và một lần”. Quan điểm được đưa ra là, nếu tình trạng chia cắt càng kéo dài thì càng khó thực hiện thống nhất! Việc chấp nhận cơ chế

³⁹ Võ Hải Thanh: *Một số luận bàn về mô hình thống nhất bán đảo Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(82), 2007, tr.18.

“cùng tồn tại” sẽ chỉ càng làm sâu sắc thêm sự chia cắt trên bán đảo Triều Tiên. Bình Nhưỡng yêu cầu quân Mỹ phải rút khỏi Hàn Quốc và tiến hành đàm phán chính trị ngay lập tức. Rõ ràng là, để đi đến thống nhất đất nước, thì thống nhất về chính trị, nhất là khi triển khai những giải pháp mạnh, thống nhất trong khoảng thời gian ngắn, chắc chắn là một chính sách bất khả thi. Chính sách đó sẽ dẫn đến những tổn thương và xung đột lợi ích giữa các giai tầng xã hội ở cả hai miền. Vì thế, cần phải coi sự trao đổi, hợp tác về kinh tế là một liệu pháp mang tính đột phá. Có thể hiểu, ngoại giao là động thái chính trị nhưng hợp tác kinh tế là một chiến lược thực sự để có thể bảo đảm hòa bình. Triều Tiên tin rằng, với chính sách “Song tiến”, huy động tiềm năng tổng lực có thể xây dựng thành công CNXH. Triều Tiên từng lập được “Kỳ tích ở Viễn Đông” trong những năm 1960-1970 với mức độ tăng trưởng GDP bình quân 25%/năm khiến nước này hy vọng rằng sẽ tái lập được kỳ tích đó⁴⁰. Trong quá trình đó, cùng với các liệu pháp chính trị và kinh tế, cũng cần phải coi trọng vai trò của văn hóa với quá trình thống nhất. Sức mạnh văn hóa, đặc biệt là những yếu tố văn hóa truyền thống, tinh hoa và giá trị văn hóa nguồn cội của phương Đông, sẽ khơi dậy tình cảm dân tộc và ý thức chung về sự hòa hợp, thống nhất⁴¹.

Bên cạnh đó, cả Hàn Quốc và Triều Tiên cũng có nhiều khác biệt trong cách thức đi đến thống nhất. Hàn Quốc muốn đề cao ngọn cờ, dân chủ, tự do thông qua một cuộc tổng tuyển cử (mọi công dân đều được tham gia bầu cử) dưới sự giám sát của Liên Hợp Quốc và nên dành quyền đại diện đa số cho Hàn Quốc vì có đông dân số hơn. Ngược lại, Triều Tiên muốn một “Nhà nước Cộng hòa Liên bang” có cơ cấu năng động. Cuộc tổng tuyển cử có thể được tiến hành dưới sự giám sát của Liên Hợp Quốc nhưng cũng có thể thông qua vai trò của các nước trung lập hoặc đảng phái chính trị. Quyền đại diện của mỗi bên không chỉ dựa vào quy mô dân số mà nên xét đến cả quy mô diện tích lãnh thổ. Mô hình “Liên bang” mà Triều Tiên đề xuất chỉ là một “mô hình lâm thời” trong khi chính phủ hai bên vẫn nắm quyền tự chủ ở hai miền⁴².

Quá trình đàm phán thời gian qua cho thấy, cả hai bên đều chưa thực sự quan tâm đến vấn đề thống nhất mà chỉ muốn tranh thủ bàn đàm phán để áp đặt ý đồ của

⁴⁰ Phạm Hồng Thái: *Việt Nam trong tiến trình hòa bình trên bán đảo Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 4(230), 2020, tr.12.

⁴¹ Theo quan điểm của chúng tôi, để giải quyết vấn đề thống nhất Triều Tiên cần hướng đến tư duy, giải pháp tổng thể. Trong điều kiện hiện nay, cùng với việc giải quyết các vấn đề chính trị, tăng cường các hoạt động, hợp tác, viện trợ kinh tế, Hàn Quốc cũng cần đẩy mạnh giao lưu văn hóa với Triều Tiên, tạo nên một “Hàn lưu” ở Triều Tiên, coi văn hóa là “sức mạnh mềm” có thể thúc đẩy quá trình thống nhất.

⁴² Quan điểm về dân số và diện tích được đưa ra bởi lẽ, Triều Tiên có 24.05 triệu dân, diện tích: 122.762 km², trong khi đó Hàn Quốc có dân số 50.76 triệu dân, diện tích: 99.392 km². Tổng diện tích bán đảo Triều Tiên là 222.154km², dân số 74.81 triệu người.

mình. Triều Tiên luôn kiên quyết phản đối lực lượng quân đội nước ngoài, nhất là quân đội Mỹ tại Hàn Quốc. Triều Tiên coi sự hiện diện của quân đội Mỹ là nhân tố cản trở quá trình tái thống nhất. Hơn thế, sự hiện diện của quân đội nước ngoài sẽ dẫn đến nguy cơ chạy đua vũ trang và đề nghị cắt giảm khoảng 100 nghìn quân mỗi bên. Hàn Quốc chủ trương sự hiện diện của quân đội Mỹ là nhân tố bảo đảm cho an ninh ở khu vực Đông Á nói chung, bán đảo Triều Tiên nói riêng cũng như cho sự chuyển đổi của hệ thống chính trị trong và sau quá trình thống nhất. Bài học lịch sử cho thấy “Chiến tranh Triều Tiên” đã nổ ra ngay sau khi quân đội Mỹ và Nga rút khỏi Triều Tiên!

Với tình hình hiện nay, việc thực hiện các chính sách hướng tới mục tiêu thống nhất của Hàn Quốc chỉ có thể đạt được gắn với các lợi ích thiết thực của Triều Tiên. Mặc dù hai bên đã có một loạt các trao đổi về mậu dịch, viện trợ, hợp tác về khoa học và công nghệ, du lịch, giao lưu văn hóa, thể thao, thăm thân... nhưng quan hệ trao đổi liên Triều vẫn còn nhiều hạn chế. Trước khi một cơ cấu “Liên bang” hay “Khối Cộng đồng Triều Tiên” (*Commonwealth*) được thiết lập thì có thể xây dựng một thể chế tạm thời để cùng phối hợp hành động. Với Hàn Quốc, cơ quan đó cần được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng thống hay *Bộ Thống nhất* thông qua những phân tích chiến lược và đề xuất khả thi. Để đối phó với tình hình bán đảo luôn có những bất ổn, Hàn Quốc nên tiếp tục củng cố quan hệ hợp tác hơn nữa với Mỹ và Nhật Bản đồng thời cũng cần phải tính đến khả năng thương mại hóa các viện trợ kinh tế và các viện trợ ngoại giao khác trong bối cảnh trong Đại hội VII vừa qua, Bình Nhưỡng từng có những tuyên bố sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản và nhiều nước “thù địch” và khẳng định Triều Tiên sẽ chỉ sử dụng vũ khí hạt nhân nếu chủ quyền bị đe dọa bởi một cường quốc hạt nhân khác và cùng nỗ lực cho tiến trình thống nhất của một đất nước đang bị chia rẽ⁴³.

KẾT LUẬN

- Trước những thách thức chính trị khu vực, cùng với những yếu tố nội tại, sức mạnh nội sinh, ý thức về một quốc gia hình thành sớm và thống nhất... là cơ sở hết sức quan trọng khiến cư dân bán đảo Triều Tiên có được thể ứng đối mềm dẻo nhưng cũng đầy bản lĩnh trước các thế lực khu vực. Việc đưa ra những lát cắt về thời gian ở trên cho thấy, *sự thống nhất luôn là nhân tố xuyên suốt trong lịch sử vùng bán đảo*. Dù có những biến động, thăng trầm, chính sách của các triều đại quân chủ từ Koryo đến Choson... đều tập trung vào việc thực hiện ba mục tiêu cốt yếu: *Bảo vệ chủ quyền, nền độc lập, thống nhất dân tộc; Phát triển đất nước; và Khẳng định vị thế quốc gia*.

Với ý thức sâu sắc về nguồn cội, với các mục tiêu hòa bình và phát triển, sự nghiệp thống nhất đã và sẽ trở thành xu thế chủ đạo trong đời sống chính trị bán đảo

⁴³ Thông tấn xã Việt Nam: *Kỷ nguyên mới của Triều Tiên?*, Bản tin Tham khảo đặc biệt, số 115, ngày 13-5-2016, tr.8-13.

Triều Tiên. Khi tiến hành các cuộc đối thoại liên Triều, hai miền từng vượt qua nhiều trở ngại về xã hội, kinh tế, áp lực từ môi trường chính trị trong nước và quốc tế để cùng nhau nỗ lực tìm kiếm, thực thi những giải pháp hữu hiệu, hướng đến sự hòa hợp. Trong bối cảnh chính trị mới, vì sự trường tồn, phát triển của dân tộc, cả Triều Tiên và Hàn Quốc *nhìn coi lợi ích dân tộc là mục tiêu tối thượng*, đồng thời không ngừng xây dựng, đề xuất sáng kiến mới, căn bản cho tiến trình thống nhất. Hiển nhiên, quá trình này phải được thực hiện bằng *con đường thương lượng, hòa bình* và quá trình đó phải xuất phát từ nguyện vọng của cả hai bên, chứ không thể là từ một bên áp đặt. Sức mạnh của nền kinh tế Hàn Quốc không thể là nhân tố duy nhất thúc đẩy, bảo đảm cho một quá trình thống nhất. Điều đó cũng có nghĩa là, mặc dù người đứng đầu Triều Tiên Kim Jong Un từng đưa ra tuyên bố về việc thực thi chính sách “*Byungjin*” (Song tiến) để thay cho chính sách “*Tiên quân*” thì chính sách đó vẫn ẩn chứa nhiều mâu thuẫn và nhân tố bất định⁴⁴. Một khi nền kinh tế Triều Tiên còn nhiều khó khăn, chưa chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự vận hành của cơ chế kinh tế thị trường thì quá trình thống nhất hẳn là sẽ kéo dài⁴⁵.

- Chính phủ Hàn Quốc coi *sự tham gia, hợp tác quốc tế là nhân tố hỗ trợ tích cực cho việc giải quyết các vấn đề quốc gia*. Cùng với việc củng cố quan hệ với Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc, chủ trương mở rộng và coi trọng quan hệ với ASEAN khiến vai trò của Hàn Quốc ngày càng tăng lên ở Đông Á⁴⁶. Một chiến lược ngoại giao với Đông Á đang dần được định hình. Hàn Quốc đang chứng tỏ vai trò trong khu vực và ngày càng có nhiều đóng góp cho sự phát triển chung của tiến trình liên kết Đông Á trong bối cảnh quan hệ giữa Nam và Bắc Triều Tiên còn có nhiều vướng mắc do vấn đề hạt nhân, khác biệt về ý thức hệ và trình độ phát triển kinh tế⁴⁷. Bên cạnh đó, chính sách liên kết Đông Á của Hàn Quốc còn lệ thuộc và bị chi phối bởi nhiều tác nhân quốc tế. Vòng xoáy của các xu thế chính trị, sự tranh giành lợi ích giữa các nước lớn cũng khiến Seoul gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm sự đồng thuận, tin cậy trong hợp tác liên Triều. Tuy vậy, cùng với việc củng cố mối quan hệ đồng minh chiến lược với Mỹ, việc Hàn Quốc ngày

⁴⁴ Thông tấn xã Việt Nam: *Cam kết của Triều Tiên đối với phát triển kinh tế sau Đại hội Đảng*, Bản tin tham khảo đặc biệt, số 133, ngày 31-5-2016, tr.8-12.

⁴⁵ Xem thêm: Phạm Quý Long: *Cải cách kinh tế và bài toán lương thực của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(82), 2007, tr.24-35.

⁴⁶ Lee Choong Lyol - Hong Seok Joon - Youn Dae Yeong (Ed.): *ASEAN - Korea Relations: Twenty-five Years of Partnership and Friendship*, Korean Institute of Southeast Asian Studies - Korean Association of Southeast Asian Studies, Korea, 2015.

⁴⁷ Diễn văn Chúc mừng năm mới (2015) của Tổng thống Hàn Quốc Park Geun Hye xác định, Hàn Quốc sẽ sớm đạt thu nhập bình quân theo đầu người là 40.000 USD/năm. Trong khi đó, vì nhiều nguyên nhân, thu nhập bình quân đầu người ở Triều Tiên đã giảm xuống từ trên 1.000 USD chỉ còn 573 USD/năm. Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 1(167), 2015, tr.78.

càng chủ động hơn trong chính sách đối ngoại khiến vai trò của Hàn Quốc trở nên tích cực hơn trong việc giải quyết các bất đồng giữa Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc. Sáng kiến “*Chính sách hướng Nam mới*” của Hàn Quốc cũng được nhiều quốc gia hoan nghênh⁴⁸. Để hậu thuẫn cho chính sách đó, thông qua vai trò của Cơ quan Hợp tác Quốc tế của Hàn Quốc (KOICA), Tổng thống Yoon Suk-yeol đã và đang thúc đẩy thực hiện “Chiến lược ngoại giao viện trợ quốc gia tầm trung” cho các nước⁴⁹, coi đây là cơ chế có thể gia tăng ảnh hưởng, góp phần giải quyết vấn đề an ninh, thống nhất đất nước. Tuy nhiên, chủ trương khu vực hóa, quốc tế hóa vấn đề bán đảo Triều Tiên của Hàn Quốc rất dễ bị tổn thương do những tồn tại lịch sử và nhất là khi các nước lớn nhận thấy lợi ích bị xâm hại.

- Trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và “*Chính sách xoay trục*” của Mỹ, không gian đối trọng chiến lược của các Đông Á đã thay đổi. *Các quốc gia khu vực đều phải điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với tình hình mới.* Nhìn nhận cục diện chính trị Đông Á một cách tổng quan ta thấy, sau Chiến tranh lạnh, các nước khu vực đều muốn bảo vệ tối đa lợi ích và an ninh quốc gia. Để làm được điều đó, họ vừa muốn dựa vào Mỹ để củng cố an ninh, hợp tác kinh tế vừa muốn xác lập quan hệ với Trung Quốc, Nhật Bản để phát triển kinh tế, tranh thủ sự ủng hộ. *Việc Trung Quốc gia tăng sức mạnh quốc phòng và “Chính sách xoay trục” của Mỹ khiến không gian đối trọng chiến lược trở nên đa biến.* Vì thế, quá trình tìm kiếm, thắt chặt mối quan hệ “chiến lược” với các cường quốc ngày một phức tạp hơn. Trên thực tế, giữa các nước Đông Á đã xuất hiện sự phân hóa bởi cuối cùng đều phải đi đến sự lựa chọn. Thế ứng đối đó của các nước Đông Á khiến cho cục diện chính trị khu vực luôn bất định. Ở Đông Á đã xuất hiện hai xu thế chính trị trái ngược và tình trạng mất cân bằng về quyền lực giữa Trung Quốc và Mỹ đang diễn ra. Thế cuộc chính trị khu vực và vùng bán đảo Triều Tiên chắc chắn sẽ còn có những biến động khó lường bởi nhiều nước vẫn theo đuổi tư duy chính trị “thực tế”: dựa vào Trung Quốc về kinh tế, đồng thời vẫn muốn tranh thủ sự bảo trợ của Mỹ về chính trị, quốc phòng, an ninh.

⁴⁸ Hàn Quốc đang tích cực triển khai Chính sách hướng Nam mới của Tổng thống Moon Jea-in (2017) trong đó quan hệ Hàn Quốc - Việt Nam được coi là trụ cột. Hàn Quốc sẽ cùng với 10 nước ASEAN và Ấn Độ cùng hợp tác xây dựng “Cộng đồng 3 P” thành “Cộng đồng tương lai” (Con người làm trung tâm - *People*, Hòa bình - *Peace*, và Thịnh vượng - *Prosperity*). Chính sách của Hàn Quốc hướng tới ngoại giao đa phương, gắn kết các quốc gia phương Nam với Đông Bắc Á. ASEAN và Ấn Độ sẽ trở thành một trục thịnh vượng mới. Phạm Hồng Thái: *Việt Nam trong tiến trình hòa bình trên bán đảo Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 4(230), 2020, tr.17.

⁴⁹ La Tuấn: *Chiến lược ngoại giao viện trợ quốc gia tầm trung của Hàn Quốc*, Hồ sơ Sự kiện, Chuyên san Tạp chí Cộng sản, số 473, ngày 10/10/2022, tr.30.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phương Dung: *Sáng kiến hàng hải mới của Bộ tứ ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*, Hồ sơ Sự kiện, Chuyên san Tạp chí Cộng sản, số 473, ngày 25/6/2022, tr.46-48.
- [2]. Trương Xuân Định: *Chiến lược đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 9(175), 2015, tr.3-13.
- [3]. Dương Quang Hiệp - Cao Nguyễn Khánh Huyền: *Chính sách mở cửa của Triều Tiên với Nhật Bản và các nước phương Tây từ năm 1876 đến năm 1895*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 7(233), 2020, tr.37-46.
- [4]. Jeffrey A.Bader: *Obama và sự trỗi dậy của Trung Quốc - Bên trong chiến lược châu Á của Mỹ*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2016, tr.73-86.
- [5]. Bùi Nam Khánh: *Cạnh tranh nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tác động đến Đông Nam Á*, Tạp chí Khoa học Xã hội, Tập 7, số 3, 2021, tr.335.
- [6]. Nguyễn Văn Kim: *Đại Việt trong bối cảnh lịch sử Đông Á thế kỷ X*, trong: *Việt Nam trong thế giới Đông Á - Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2011, tr.58.
- [7]. Kishore Mahbubani: *Bán cầu châu Á mới - Sự chuyển giao tất yếu quyền lực toàn cầu sang phương Đông*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2010, tr.100-107.
- [8]. Phạm Quý Long: *Cải cách kinh tế và bài toán lương thực của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(82), 2007, tr.24-35.
- [9]. Phạm Quý Long: *Một số nét trong quan hệ liên Triều*, trong: *Khoa Đông phương*, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HN: *Thúc đẩy Hàn Quốc học ở Việt Nam*, Nxb. Thế giới, H., 2010, tr.341-348.
- [10]. Vũ Thị Mai: *Chiến lược an ninh của Mỹ và Trung Quốc ở Châu Á - Thái Bình Dương và ảnh hưởng của nó tới an ninh khu vực Đông Bắc Á hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 5(159), 2014, tr.11-19.
- [11]. Đỗ Trọng Quang: *Tổng thống Roh Moo-hyun trước sáng kiến hợp tác Đông Bắc Á và nỗ lực cải thiện quan hệ với CHDCND Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12 (82), 2007, tr.7-8.
- [12]. Đỗ Tiến Quân: *Triều Tiên trong cục diện chính trị Đông Bắc Á thời kỳ cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 10(164), 2014, tr.3-11.
- [13]. Nguyễn Hồng Quân: *Tiến trình hiện đại hóa quân đội Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 4(230), 2020, tr.3-10.
- [14]. Lê Văn Sang: *Cục diện địa chính trị Đông Á trong bối cảnh Mỹ xoay trục chiến lược về châu Á – Thái Bình Dương*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 2(156), 2014, tr.4.
- [15]. Phạm Hồng Thái: *Việt Nam trong tiến trình hòa bình trên bán đảo Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 4(230), 2020, tr.12.
- [16]. Võ Hải Thanh: *Một số luận bàn về mô hình thống nhất bán đảo Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(82), 2007, tr.18.

- [17]. Võ Hải Thanh: *Tổng quan về tình hình kinh tế và chính sách đối ngoại của Triều Tiên dưới thời Chủ tịch Kim Jong-un*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 12(226), 2019, tr.8-17.
- [18]. Nguyễn Kim Tôn: *Điều chỉnh chiến lược của Mỹ và triển vọng hòa bình trên bán đảo Triều Tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 8(222), 2019, tr.3-8.
- [19]. La Tuấn: *Chiến lược ngoại giao viện trợ quốc gia tâm trung của Hàn Quốc*, Hồ sơ Sự kiện, Chuyên san Tạp chí Cộng sản, số 473, ngày 10/10/2022, tr.30.
- [20]. Youn Dae-Yeong - Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng: *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc (1862-1945)*, Nxb. Lao động, H., 2014, tr.67-71. Dương Quang Hiệp - Cao Nguyễn Khánh Huyền: *Chính sách mở cửa của Triều Tiên với Nhật Bản và các nước phương Tây từ năm 1876 đến năm 1895*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 7(233), 2020, tr.37-46.

COMPETITION AND INTERKOREAN DIALOGUE IN THE EAST ASIAN HISTORICAL AND POLITICAL CONTEXT

Nguyen Van Kim

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi

Email: nguyenvankimls@yahoo.com

ABSTRACT

Regional political challenges, internal factors, endogenous strength, and the sense of an early and unified nation are important foundations for Korean peninsula residents to have flexible but brave response to regional forces. Strategically located in East Asia, the Korean peninsula has become a flashpoint and strategic competition zone for major nations. The article will investigate the fact that the incidents occurred on the Korean peninsula so complexly that the regional political tense became worsened including inter-Korean dialogue in a multiple pole world and some solutions to a unified process.

Keywords: Competition, Inter-Korean dialogue, East Asian context.



Nguyễn Văn Kim sinh năm 1962. Ông tốt nghiệp Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1985 chuyên ngành Lịch sử Thế giới. bảo vệ luận án tiến sĩ năm 1999, được phong học hàm giáo sư năm 2015. Hiện nay ông công tác tại Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG HN.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử - xã hội Nhật Bản thời Edo; Quan hệ thương mại và bang giao giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Á thế kỷ XVI-XVIII.